TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 5 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

***Thư ký phiên toà*:** Bà Triệu Thảo Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026, về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số A thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số C thôn R' C, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện ông Nguyễn Văn M đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01, Công an tỉnh L.

(Bà N có mặt, ông M có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2025, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Mai Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn M kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, Hà Nội. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại L, B, Lâm Đồng cũ. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà phát hiện ông M có người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tuy nhiên vì con nên bà vẫn chấp nhận tha thứ và sống chung. Đến năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, ông M công khai sống chung với người phụ nữ khác, còn đánh đập bà nên bà đưa 02 con về nhà mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông M thỉnh thoảng có lui tới thăm con, đưa con đi chơi chứ không chu cấp tiền cho con. Tháng 8/2025 bà được biết ông M bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh L. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể hoà giải, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mai Bảo C, sinh ngày 21/11/2017 và Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 20/4/2021. Hiện con đang ở với bà, ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 4 năm 2026 bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Mai Thị N kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, Hà Nội. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại L, B, Lâm Đồng cũ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mai Bảo C, sinh ngày 21/11/2017 và Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 20/4/2021. Hiện hai con đang ở với mẹ, trường hợp ly hôn ông yêu cầu nuôi một con Nguyễn Mai Bảo C, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông M có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được, Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Mai Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị N, cho bà Mai Thị N và ông Nguyễn Văn M được ly hôn; Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Mai Bảo C, sinh ngày 21/11/2017 và Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 20/4/2021 cho bà Mai Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc bà Mai Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với ông Nguyễn Văn M. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con". Bị đơn cư trú tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị N và ông Nguyễn Văn M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2017, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là hợp pháp. Bà N, ông M đều xác nhận cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, có

nhiều bất đồng trong cuộc sống, ông bà đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông M, ông M đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do ông M vắng mặt tại phiên toà nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Mai Thị N, cho bà Mai Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn M.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mai Bảo C, sinh ngày 21/11/2017 và Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 20/4/2021. Khi ly hôn, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông M yêu cầu nuôi 01 con là Nguyễn Mai Bảo C. Xét yêu cầu nuôi con của bà N, ông M là chính đáng, tuy nhiên qua xem xét nguyện vọng của con chung Nguyễn Mai Bảo C thì con có nguyện vọng muốn ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, con Nguyễn Ngọc Khánh L còn nhỏ, các con đang có cuộc sống ổn định, gắn bó thân thiết với nhau. Mặt khác, hiện tại ông Nguyễn Văn M đang bị tạm giam nên không có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Nguyễn Mai Bảo C và Nguyễn Ngọc Khánh L cho bà Mai Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Mai Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Mai Thị N, ông Nguyễn Văn M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà N, ông M được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị N, cho bà Mai Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mai Bảo C, sinh ngày 21/11/2017 và Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 20/4/2021 cho bà Mai Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày các con thành niên. Ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Mai Thị N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0002238 ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Mai Thị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2- Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 2 – Lâm Đồng;
- UBND xã Hồng Vân, Hà Nội (số 31/2017 tại UBND xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, Hà Nội cũ);
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 2

ZGY120526.TL.QDBA
1381

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hằng